

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY**
Số: 954 /TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Lệ Thủy, ngày 22 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị HĐND huyện ban hành Nghị quyết
Thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Lệ Thủy.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;
Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;
Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;
Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TU của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII ngày 14/4/2025;
Căn cứ Kế hoạch số 610/KH-UBND ngày 11/4/2025 của UBND tỉnh về sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp tỉnh Quảng Bình;
Căn cứ Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri về sắp xếp đơn vị hành chính 02 cấp và Báo cáo tổng hợp ý kiến HĐND cấp xã về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính của UBND các xã, thị trấn,

UBND huyện đề nghị Hội đồng nhân dân huyện xem xét ban hành Nghị quyết Thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã cụ thể như sau:

- Thông qua chủ trương hợp nhất tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị thành tỉnh Quảng Trị, lấy tên là tỉnh Quảng Trị, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Quảng Bình hiện nay.
- Thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể:
 - + Thành lập xã Lệ Thủy trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Liên Thủy (diện tích 7,03 km², dân số 9.806 người), xã Xuân Thủy (diện tích 6,55 km², dân số 6.576 người), xã An Thủy (diện tích 21,35 km², dân số 11.193 người), xã Phong Thủy (diện tích 10,0 km², dân số 8.111 người), xã



Lộc Thủy (diện tích 7,72 km², dân số 5.312 người) và thị trấn Kiến Giang (diện tích 3,28 km², dân số 8.462 người).

+ Thành lập xã Cam Hồng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Cam Thủy (diện tích 14,1 km², dân số 4.996 người), xã Thanh Thủy (diện tích 14,33 km², dân số 6.761 người), xã Hồng Thủy (diện tích 27,15 km², dân số 10.129 người) và xã Ngự Thủy Bắc (diện tích 32,31 km², dân số 4.777 người).

+ Thành lập xã Sen Ngự trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hưng Thủy (diện tích 21,43 km², dân số 7.933 người), xã Sen Thủy (diện tích 75,89 km², dân số 6.723 người) và xã Ngự Thủy (diện tích 23,52 km², dân số 6.502 người).

+ Thành lập xã Tân Mỹ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Thủy (diện tích 20,49 km², dân số 7.260 người), xã Dương Thủy (diện tích 9,61 km², dân số 5.087 người), xã Mỹ Thủy (diện tích 13,74 km², dân số 6.471 người) và xã Thái Thủy (diện tích 58,73 km², dân số 5.826 người).

+ Thành lập xã Trường Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Trường Thủy (diện tích 35,6 km², dân số 5.445 người), xã Mai Thủy (diện tích 20,0 km², dân số 7.444 người) và xã Phú Thủy (diện tích 41,58 km², dân số 8.317 người).

+ Thành lập xã Lệ Ninh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Sơn Thủy (diện tích 25,7 km², dân số 8.374 người), xã Hoa Thủy (diện tích 19,19 km², dân số 8.875 người) và thị trấn Nông trường Lệ Ninh (diện tích 11,43 km², dân số 6.200 người).

+ Thành lập xã Kim Ngân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Kim Thủy (diện tích 487,34 km², dân số 5.054 người), xã Ngân Thủy (diện tích 165,79 km², dân số 2.868 người) và xã Lâm Thủy (diện tích 227,93 km², dân số 1.854 người).

(Kèm theo Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri và ý kiến của HĐND cấp xã)

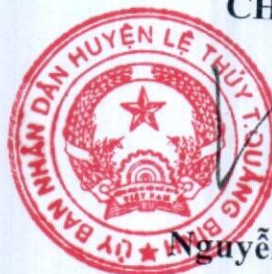
Kính đề nghị Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND huyện;
- Lưu: VT, NV.

glauk

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Thuê
Nguyễn Đình Hòa



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
Số: 98 /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Lệ Thủy, ngày 22 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO
Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri và ý kiến của HĐND cấp xã
về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Lệ Thủy.

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 và các văn bản triển khai, hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình, UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thực hiện các quy trình, thủ tục lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình thường trú trên địa bàn về các đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã, đồng thời báo cáo HĐND cùng cấp thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã theo quy định.

Trên cơ sở Báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả kỳ họp của HĐND các xã, thị trấn về sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã, UBND huyện tổng hợp báo cáo kết quả lấy ý kiến trên địa bàn huyện như sau:

I. Thời gian tổ chức lấy ý kiến cử tri, tổ chức kỳ họp HĐND của các xã

1. Thời gian tổ chức lấy ý kiến cử tri: Ngày 19/4/2025.

Việc tổ chức lấy ý kiến cử tri tại các xã, thị trấn được thực hiện nghiêm túc, công khai, hiệu quả, thuận tiện cho người dân.

2. Thời gian tổ chức kỳ họp HĐND xã, thị trấn

Căn cứ kết quả lấy ý kiến cử tri, UBND các xã, thị trấn đã báo cáo và trình HĐND cấp xã thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã. Thời gian tổ chức kỳ họp HĐND các xã, thị trấn như sau:

- Có 11/26 xã, thị trấn tổ chức họp HĐND vào ngày 21/4/2025 để thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã.

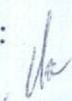
- Có 15/26 xã, thị trấn tổ chức họp HĐND vào ngày 22/4/2025 để thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã.

Sau khi HĐND các xã, thị trấn thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã, UBND các xã, thị trấn đã hoàn thiện hồ sơ gửi UBND huyện theo quy định.

II. Kết quả lấy ý kiến cử tri

1. Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh

a) Kết quả lấy phiếu:



| STT | Xã/thị trấn | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến (tỷ lệ trên tổng số cử tri đại diện trên địa bàn) | | | |
|-------------|---------------------|--------------------------------------|--|---------------------------|--|-------------------------|------------------------|-------------------------------|
| | | Tổng số cử tri đại diện trên địa bàn | Số cử tri đại diện tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ cử tri tham gia (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ cử tri đồng ý (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ cử tri không đồng ý (%) |
| 1 | Xã Liên Thủy | 2540 | 2540 | 100 | 2525 | 99,4 | 15 | 0,6 |
| 2 | Xã Xuân Thủy | 1684 | 1594 | 94,7 | 1587 | 94,2 | 02 | 0,1 |
| 3 | Xã An Thủy | 2677 | 2592 | 96,8 | 2513 | 93,9 | 68 | 2,5 |
| 4 | Xã Phong Thủy | 2004 | 2004 | 100 | 1987 | 99,2 | 15 | 0,7 |
| 5 | Xã Lộc Thủy | 1233 | 1203 | 97,6 | 1198 | 97,2 | 03 | 0,2 |
| 6 | Thị trấn Kiến Giang | 2012 | 1831 | 91,0 | 1819 | 90,4 | 10 | 0,5 |
| 7 | Xã Cam Thủy | 1085 | 1085 | 100 | 1078 | 99,4 | 07 | 0,6 |
| 8 | Xã Thanh Thủy | 1471 | 1448 | 98,4 | 1443 | 98,1 | 04 | 0,3 |
| 9 | Xã Hồng Thủy | 2104 | 2085 | 99,1 | 2064 | 98,1 | 20 | 1,0 |
| 10 | Xã Ngự Thủy Bắc | 1188 | 1049 | 88,3 | 1047 | 88,1 | 02 | 0,2 |
| 11 | Xã Hưng Thủy | 1721 | 1721 | 100 | 1720 | 99,9 | 01 | 0,1 |
| 12 | Xã Sen Thủy | 1579 | 1576 | 99,8 | 1570 | 99,4 | 04 | 0,3 |
| 13 | Xã Ngự Thủy | 1456 | 1400 | 96,2 | 1392 | 95,6 | 08 | 0,5 |
| 14 | Xã Tân Thủy | 1602 | 1600 | 99,9 | 1596 | 99,6 | 04 | 0,2 |
| 15 | Xã Dương Thủy | 1070 | 1014 | 94,8 | 1014 | 94,8 | 0 | 0 |
| 16 | Xã Mỹ Thủy | 1612 | 1612 | 100 | 1602 | 99,4 | 10 | 0,6 |
| 17 | Xã Thái Thủy | 1218 | 1218 | 100 | 1202 | 98,7 | 16 | 1,3 |
| 18 | Xã Trường Thủy | 1323 | 1323 | 100 | 1320 | 99,8 | 03 | 0,2 |
| 19 | Xã Mai Thủy | 1592 | 1485 | 93,3 | 1483 | 93,2 | 02 | 0,1 |
| 20 | Xã Phú Thủy | 2014 | 1918 | 95,2 | 1912 | 94,9 | 06 | 0,3 |
| 21 | Xã Sơn Thủy | 2111 | 2059 | 97,5 | 2059 | 97,5 | 0 | 0 |
| 22 | Xã Hoa Thủy | 2050 | 2050 | 100 | 2045 | 99,8 | 05 | 0,2 |
| 23 | Thị trấn NT Lệ Ninh | 1471 | 1471 | 100 | 1462 | 99,4 | 09 | 0,6 |
| 24 | Xã Kim Thủy | 1288 | 1273 | 98,8 | 1259 | 97,7 | 07 | 0,5 |
| 25 | Xã Ngân Thủy | 708 | 708 | 100 | 708 | 100 | 0 | 0 |
| 26 | Xã Lâm Thủy | 451 | 451 | 100 | 448 | 99,3 | 03 | 0,7 |
| Tổng | | 41.264 | 40.310 | 97,7 | 40.053 | 97,1 | 224 | 0,5 |

(Có 33 phiếu lấy ý kiến không hợp lệ)

b) Các ý kiến khác: Một số cử tri đề nghị điều chỉnh tên gọi ĐVHC tỉnh mới sau sắp xếp (một số tên gọi cử tri đề nghị: Bình Trị, Quảng Trung, Quảng Tiến, Trị Bình, Quảng Phú, Quảng Thịnh, Quảng Tân, Song Quảng, Quảng Hải, Quảng Bình Trị, Quảng Đại) và một số cử tri đề nghị giữ nguyên tên gọi tỉnh Quảng Bình.

2. Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã

a) Kết quả lấy phiếu:

| STT | Xã/thị trấn | Số lượng cử tri | | | Kết quả lấy ý kiến (tỷ lệ trên tổng số cử tri đại diện trên địa bàn) | | | |
|-----|---------------------|--------------------------------------|--|---------------------------|---|-------------------------|------------------------|-------------------------------|
| | | Tổng số cử tri đại diện trên địa bàn | Số cử tri đại diện tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ cử tri tham gia (%) | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ cử tri đồng ý (%) | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ cử tri không đồng ý (%) |
| 1 | Xã Liên Thủy | 2540 | 2540 | 100 | 2301 | 90,6 | 239 | 9,4 |
| 2 | Xã Xuân Thủy | 1684 | 1594 | 94,7 | 1588 | 94,3 | 01 | 0,1 |
| 3 | Xã An Thủy | 2677 | 2592 | 96,8 | 2502 | 93,5 | 79 | 3,0 |
| 4 | Xã Phong Thủy | 2004 | 2004 | 100 | 1929 | 96,3 | 73 | 3,6 |
| 5 | Xã Lộc Thủy | 1233 | 1203 | 97,6 | 1199 | 97,2 | 02 | 0,2 |
| 6 | Thị trấn Kiến Giang | 2012 | 1831 | 91,0 | 1824 | 90,7 | 05 | 0,2 |
| 7 | Xã Cam Thủy | 1085 | 1085 | 100 | 1068 | 98,4 | 17 | 1,6 |
| 8 | Xã Thanh Thủy | 1471 | 1448 | 98,4 | 1440 | 97,9 | 07 | 0,5 |
| 9 | Xã Hồng Thủy | 2104 | 2085 | 99,1 | 2019 | 96,0 | 65 | 3,1 |
| 10 | Xã Ngư Thủy Bắc | 1188 | 1049 | 88,3 | 1047 | 88,1 | 02 | 0,2 |
| 11 | Xã Hưng Thủy | 1721 | 1721 | 100 | 1718 | 99,8 | 03 | 0,2 |
| 12 | Xã Sen Thủy | 1579 | 1576 | 99,8 | 1566 | 99,2 | 08 | 0,5 |
| 13 | Xã Ngư Thủy | 1456 | 1400 | 96,2 | 1384 | 95,1 | 16 | 1,1 |
| 14 | Xã Tân Thủy | 1602 | 1600 | 99,9 | 1594 | 99,5 | 06 | 0,4 |
| 15 | Xã Dương Thủy | 1070 | 1014 | 94,8 | 1010 | 94,4 | 04 | 0,4 |
| 16 | Xã Mỹ Thủy | 1612 | 1612 | 100 | 1610 | 99,9 | 02 | 0,1 |
| 17 | Xã Thái Thủy | 1218 | 1218 | 100 | 1203 | 98,8 | 15 | 1,2 |
| 18 | Xã Trường Thủy | 1323 | 1323 | 100 | 1319 | 99,7 | 04 | 0,3 |
| 19 | Xã Mai Thủy | 1592 | 1485 | 93,3 | 1481 | 93,0 | 04 | 0,3 |
| 20 | Xã Phú Thủy | 2014 | 1918 | 95,2 | 1909 | 94,8 | 09 | 0,4 |
| 21 | Xã Sơn Thủy | 2111 | 2059 | 97,5 | 2059 | 97,5 | 0 | 0 |
| 22 | Xã Hoa Thủy | 2050 | 2050 | 100 | 2046 | 99,8 | 04 | 0,2 |

| | | | | | | | | |
|-------------|---------------------|---------------|---------------|-------------|---------------|-------------|------------|------------|
| 23 | Thị trấn NT Lệ Ninh | 1471 | 1471 | 100 | 1471 | 100 | 0 | 0 |
| 24 | Xã Kim Thủy | 1288 | 1273 | 98,8 | 1261 | 97,9 | 05 | 0,4 |
| 25 | Xã Ngân Thủy | 708 | 708 | 100 | 708 | 100 | 0 | 0 |
| 26 | Xã Lâm Thủy | 451 | 451 | 100 | 445 | 98,7 | 06 | 1,3 |
| Tổng | | 41.264 | 40.310 | 97,7 | 39.701 | 96,2 | 576 | 1,4 |

(Có 33 phiếu lấy ý kiến không hợp lệ)

b) Các ý kiến khác: Một số cử tri có ý kiến về tên gọi của xã mới (Hoa Thủy, Sơn Thủy, Lệ Ninh, Hưng Thủy, Sen Thủy, Thanh Thủy, Mai Thủy); một số cử tri có ý kiến về trụ sở của xã mới (Cam Thủy, Hồng Thủy, Thanh Thủy, Ngư Thủy, Sen Thủy); một số cử tri đề nghị 06 xã, thị trấn dự kiến nhập thành xã Lệ Thủy chia thành 02 xã (An Thủy, Liên Thủy).

III. Kết quả kỳ họp HĐND các xã, thị trấn

1. Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh

| STT | ĐVHC | Số lượng đại biểu HĐND | | | Kết quả biểu quyết (tính trên tổng số đại biểu HĐND) | | | |
|-----|-----------------|------------------------|----------------------------|-----------------------------------|---|-----------|-----------------------------|-----------|
| | | Tổng số đại biểu HĐND | Số đại biểu tham dự kỳ họp | Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp (%) | Số đại biểu tán thành | Tỷ lệ (%) | Số đại biểu không tán thành | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Xã Liên Thủy | 26 | 23 | 88,5 | 23 | 88,5 | 0 | 0 |
| 2 | Xã Xuân Thủy | 20 | 19 | 95 | 19 | 95 | 0 | 0 |
| 3 | Xã An Thủy | 24 | 24 | 100 | 24 | 100 | 0 | 0 |
| 4 | Xã Phong Thủy | 25 | 25 | 100 | 25 | 100 | 0 | 0 |
| 5 | Xã Lộc Thủy | 23 | 22 | 95,7 | 22 | 95,7 | 0 | 0 |
| 6 | TT Kiến Giang | 23 | 22 | 95,7 | 22 | 95,7 | 0 | 0 |
| 7 | Xã Cam Thủy | 20 | 20 | 100 | 20 | 100 | 0 | 0 |
| 8 | Xã Thanh Thủy | 21 | 21 | 100 | 21 | 100 | 0 | 0 |
| 9 | Xã Hồng Thủy | 24 | 24 | 100 | 24 | 100 | 0 | 0 |
| 10 | Xã Ngư Thủy Bắc | 25 | 25 | 100 | 25 | 100 | 0 | 0 |
| 11 | Xã Hưng Thủy | 25 | 25 | 100 | 25 | 100 | 0 | 0 |
| 12 | Xã Sen Thủy | 22 | 22 | 100 | 22 | 100 | 0 | 0 |
| 13 | Xã Ngư Thủy | 24 | 24 | 100 | 24 | 100 | 0 | 0 |
| 14 | Xã Tân Thủy | 24 | 24 | 100 | 24 | 100 | 0 | 0 |
| 15 | Xã Dương Thủy | 24 | 22 | 91,7 | 22 | 91,7 | 0 | 0 |
| 16 | Xã Mỹ Thủy | 24 | 23 | 95,8 | 23 | 95,8 | 0 | 0 |
| 17 | Xã Thái Thủy | 21 | 21 | 100 | 21 | 100 | 0 | 0 |

| | | | | | | | | |
|----|----------------|----|----|------|----|------|---|---|
| 18 | Xã Trường Thủy | 25 | 22 | 88 | 22 | 88 | 0 | 0 |
| 19 | Xã Mai Thủy | 24 | 23 | 95,8 | 23 | 95,8 | 0 | 0 |
| 20 | Xã Phú Thủy | 24 | 22 | 91,7 | 22 | 91,7 | 0 | 0 |
| 21 | Xã Sơn Thủy | 26 | 26 | 100 | 26 | 100 | 0 | 0 |
| 22 | Xã Hoa Thủy | 24 | 22 | 91,7 | 22 | 91,7 | 0 | 0 |
| 23 | TT NT Lệ Ninh | 20 | 20 | 100 | 20 | 100 | 0 | 0 |
| 24 | Xã Kim Thủy | 20 | 18 | 90 | 18 | 90 | 0 | 0 |
| 25 | Xã Ngân Thủy | 18 | 18 | 100 | 18 | 100 | 0 | 0 |
| 26 | Xã Lâm Thủy | 14 | 14 | 100 | 14 | 100 | 0 | 0 |

2. Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã

| STT | ĐVHC | Số lượng đại biểu HĐND | | | Kết quả biểu quyết (tính trên tổng số đại biểu HĐND) | | | |
|-----|-----------------|------------------------|----------------------------|-----------------------------------|---|-----------|-----------------------------|-----------|
| | | Tổng số đại biểu HĐND | Số đại biểu tham dự kỳ họp | Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp (%) | Số đại biểu tán thành | Tỷ lệ (%) | Số đại biểu không tán thành | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Xã Liên Thủy | 26 | 23 | 88,5 | 23 | 88,5 | 0 | 0 |
| 2 | Xã Xuân Thủy | 20 | 19 | 95 | 19 | 95 | 0 | 0 |
| 3 | Xã An Thủy | 24 | 24 | 100 | 24 | 100 | 0 | 0 |
| 4 | Xã Phong Thủy | 25 | 25 | 100 | 25 | 100 | 0 | 0 |
| 5 | Xã Lộc Thủy | 23 | 22 | 95,7 | 22 | 95,7 | 0 | 0 |
| 6 | TT Kiến Giang | 23 | 22 | 95,7 | 22 | 95,7 | 0 | 0 |
| 7 | Xã Cam Thủy | 20 | 20 | 100 | 20 | 100 | 0 | 0 |
| 8 | Xã Thanh Thủy | 21 | 21 | 100 | 21 | 100 | 0 | 0 |
| 9 | Xã Hồng Thủy | 24 | 24 | 100 | 24 | 100 | 0 | 0 |
| 10 | Xã Ngư Thủy Bắc | 25 | 25 | 100 | 25 | 100 | 0 | 0 |
| 11 | Xã Hưng Thủy | 25 | 25 | 100 | 25 | 100 | 0 | 0 |
| 12 | Xã Sen Thủy | 22 | 22 | 100 | 22 | 100 | 0 | 0 |
| 13 | Xã Ngư Thủy | 24 | 24 | 100 | 24 | 100 | 0 | 0 |
| 14 | Xã Tân Thủy | 24 | 24 | 100 | 24 | 100 | 0 | 0 |
| 15 | Xã Dương Thủy | 24 | 22 | 91,7 | 22 | 91,7 | 0 | 0 |
| 16 | Xã Mỹ Thủy | 24 | 23 | 95,8 | 23 | 95,8 | 0 | 0 |
| 17 | Xã Thái Thủy | 21 | 21 | 100 | 21 | 100 | 0 | 0 |
| 18 | Xã Trường Thủy | 25 | 22 | 88 | 22 | 88 | 0 | 0 |
| 19 | Xã Mai Thủy | 24 | 23 | 95,8 | 23 | 95,8 | 0 | 0 |

| | | | | | | | | |
|----|---------------|----|----|------|----|------|---|---|
| 20 | Xã Phú Thủy | 24 | 22 | 91,7 | 22 | 91,7 | 0 | 0 |
| 21 | Xã Sơn Thủy | 26 | 26 | 100 | 26 | 100 | 0 | 0 |
| 22 | Xã Hoa Thủy | 24 | 22 | 91,7 | 22 | 91,7 | 0 | 0 |
| 23 | TT NT Lệ Ninh | 20 | 20 | 100 | 20 | 100 | 0 | 0 |
| 24 | Xã Kim Thủy | 20 | 18 | 90 | 18 | 90 | 0 | 0 |
| 25 | Xã Ngân Thủy | 18 | 18 | 100 | 18 | 100 | 0 | 0 |
| 26 | Xã Lâm Thủy | 14 | 14 | 100 | 14 | 100 | 0 | 0 |

IV. Tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác có liên quan: Không.

Trên đây là Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả kỳ họp HĐND các xã, thị trấn về sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã; UBND huyện Lệ Thủy báo cáo Hội đồng nhân dân huyện được biết. / *Thuat*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND huyện; (B/c)
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, NV.

Thuat

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thuat
Nguyễn Đình Hòa